

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 8 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 49, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Đỗ Tú Anh	1	02	8.0	Tám	
2	Lã Duy Anh	2	51	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	3	50	8.0	Tám	
4	Đoàn Đức Bảo	4	56	8.0	Tám	
5	Lê Thị Bích	5	57	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Ngọc Bình	6	43	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Lệ Chi	7	30	7.5	Bảy rưỡi	
8	Vũ Thị Thùy Chi	8	15	7.5	Bảy rưỡi	
9	Hoàng Thái Hoa Cương	9	32	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Dung	10	16	7.5	Bảy rưỡi	
11	Vũ Thị Hồng Đoan	11	21	8.0	Tám	
12	Trịnh Phương Giang	12	40	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thanh Giang	13	20	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hồ Thị Hà	14	19	7.0	Bảy	
15	Khâu Lê Hà	15	09	8.0	Tám	
16	Nguyễn Thị Minh Hằng	16	10	8.0	Tám	
17	Trịnh Thị Minh Hảo	17	13	8.0	Tám	
18	Vũ Thị Thanh Hảo	18	45	7.0	Bảy	
19	Phạm Thị Như Hoa	19	06	7.0	Bảy	
20	Nông Thị Ngọc Hoa	20	12	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Huy Hoàng	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
22	Đinh Nho Hợi	21	14	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Phạm Văn Hùng	22	34	7.0	Bảy	
24	Đỗ Quốc Hương	23	41	7.5	Bảy rưỡi	
25	Phạm Thị Hương	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
26	Phạm Thu Hường	24	22	7.5	Bảy rưỡi	
27	Đồng Duy Khánh	25	47	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Văn Khánh	26	18	7.0	Bảy	
29	Đào Thị Khuyên	27	05	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Phương Lan	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
31	Bùi Thị Lập	28	-	-	-	Vắng thi
32	Nguyễn Ngọc Mạnh	29	39	7.0	Bảy	
33	Nông Văn Mẫn	30	46	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Thị Thanh Mến	31	37	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	32	-	-	-	Vắng thi
36	Đỗ Thị Bích Ngọc	33	24	8.0	Tám	
37	Lê Thị Bích Ngọc	34	01	8.0	Tám	
38	Vũ Thị Nhu	35	23	7.0	Bảy	
39	Lương Thị Tuyết Nhung	36	11	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Hồng Ninh	37	53	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Trường Phú	38	42	7.0	Bảy	
42	Phạm Thị Phụng	39	27	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Phụng	40	25	8.0	Tám	
44	Trương Đăng Quang	41	03	7.5	Bảy rưỡi	
45	Lương Thị Quyên	42	31	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Định Thành	43	52	7.0	Bảy	
47	Lê Xuân Thành	44	58	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Trung Thành	45	38	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Thị Thoa	46	29	8.0	Tám	
50	Bùi Thị Phương Thu	47	04	7.5	Bảy rưỡi	
51	Đồng Văn Thương	48	36	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Nguyễn Thị Tân Tiến	49	44	7.5	Bảy rưỡi	
53	Thân Văn Tiệp	50	26	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Anh Tú	51	35	7.0	Bảy	
55	Nguyễn Anh Tuấn (A-1976)	52	08	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Anh Tuấn (B-1965)	53	48	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Văn Tuấn	54	49	7.0	Bảy	
58	Vương Cẩm Vân	55	33	8.0	Tám	
59	Phạm Thị Hải Yến	56	28	7.5	Bảy rưỡi	
60	Diệp Kiều Chanh	57	55	7.5	Bảy rưỡi	P I.1 - K48KTT
61	Nguyễn Thị Thu Cúc	58	54	7.5	Bảy rưỡi	P I.1 - K48KTT
62	Phạm Hồng Trường	59	07	7.0	Bảy	P I.1 - K48KTT
63	Trần Thị Dung	60	17	7.5	Bảy rưỡi	P I.1 - K48KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên